

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC LẶC
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HS-ST

Ngày 26/11/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Viết Giảng

Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Hoàn

Ông Bùi Văn Lâm

- Thư ký phiên toà: Bà Ninh Thị Hải, Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc tham gia phiên toà:

Bà Hoàng Thị Lanh - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 32/2019/TLST-HS ngày 24/10/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 35/2019/QĐXXST-HS ngày 14/11/2019 đối với bị cáo:

- Bị cáo Nguyễn Văn T, sinh năm 1993, tại tỉnh Nam Định.

Nơi ĐKTT: Đội Z, xã C, huyện G, tỉnh Nam Định; Nơi ở hiện nay: Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị L; vợ Phạm Thị L1 và 2 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2019; tiền sự, tiền án: Không. Bị tạm giữ từ ngày 22/7/2019, tạm giam từ ngày 31/7/2019, hiện nay bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam của Công an tỉnh Thanh Hóa (*Có mặt*).

- Bị cáo Vũ Văn T1, sinh năm 1991, tại tỉnh Bắc Ninh.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn M và bà Nguyễn Thị K; vợ Nguyễn Thị L2 và 2 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ mới sinh tháng 10/2019; tiền sự, tiền án: Không; Bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay bị cáo đang tại ngoại tại địa phương (*Có mặt*).

Người bị hại: - Chị Lê Thị H, sinh năm 1991 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Xóm X, xã C, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Đỗ Ngọc Đ, sinh năm 1996 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Đội J, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Người làm chứng: - Chị Phạm Thị L1, sinh năm 1997 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- Chị Phạm Thị L2, sinh năm 1995 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

- Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1973 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

- Anh Vũ Ngọc H, sinh năm 1969 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Phố D, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 04 giờ, ngày 18/6/2019 Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 36K5-09x.xx đi từ thôn H, xã T, huyện N đến Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc để trộm cắp tài sản. Đến khoa Truyền nhiễm, T lấy trộm của chị Lê Thị H, người đi chăm sóc bệnh nhân 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1 màu hồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J2 Prime màu ghi, 01 chiếc ví bên trong có 1.750.000 đồng và các giấy tờ cá nhân. Số tiền 1.750.000 đồng trộm cắp được, T sử dụng cho cá nhân hết, còn 02 chiếc điện thoại di động T mang ra quán điện thoại của Vũ Văn T1 ở xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh bán cho T1.

Quá trình mở rộng điều tra, Nguyễn Văn T còn khai nhận đã thực hiện một số vụ trộm cắp khác, gồm:

- Ngày 29/3/2019, T vào Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc, trộm cắp 06 điện thoại di động, gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J7 Pro màu trắng - xanh ngọc; trộm 01 điện thoại di động Coolpad E502 màu vàng, 01 điện thoại di động Iphone 5 màu trắng, 01 điện thoại di động SAMSUNG J3 màu trắng, 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu nâu và 01 điện thoại di động Iphone 5 màu trắng, số điện thoại này T không biết tên, địa chỉ người bị hại. Số điện thoại di động trộm cắp được, T để lại chiếc điện thoại SAMSUNG J7 Pro màu trắng - xanh ngọc để dùng; 05 chiếc còn lại T gửi xe khách HP ra bán cho T1. Cơ quan điều tra, Công an huyện Ngọc Lặc đã thông báo tìm chủ sở hữu của số tài sản nói trên và đã xác định được, anh Đỗ Ngọc Đ là chủ sở hữu chiếc điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG J7 Pro màu trắng - xanh ngọc, bị mất tại khoa Chấn thương, Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc, số còn lại chưa xác định được chủ sở hữu;

- Vào khoảng tháng 5/2019, T không nhớ rõ ngày, T đến Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc trộm cắp được 04 điện thoại di động, gồm: 01 điện thoại SAMSUNG M20 màu đen, 01 điện thoại OPPO A3S màu hồng, 01 điện thoại SAMSUNG J5 màu đen và 01 điện thoại Iphone 6 màu hồng. Số điện thoại trộm cắp được, T để lại chiếc điện thoại SAMSUNG M20 màu đen để dùng, 03 chiếc còn lại T gửi xe khách HP ra bán cho T1. Cơ quan điều tra, Công an huyện Ngọc Lặc đã thông báo tìm chủ sở hữu của số tài sản nói trên, nhưng chưa xác định được chủ sở hữu.

Kết quả điều tra xác định được, Nguyễn Văn T và Vũ Văn T1 quen biết nhau từ trước, tuy không hứa hẹn trước, nhưng khi T trộm cắp được số điện thoại di động, T gọi video cho T1 qua mạng xã hội Zalo cho T1 xem những chiếc điện thoại di động định bán và thỏa thuận giá bán, sau đó T đóng gói gửi xe khách HP ra cho T1; nhận được điện thoại, T1 sẽ chuyển tiền cho T bằng

hình thức Viettel Pay. Tổng số tài sản bị cáo T trộm cắp 3 lần tại Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc là 12 điện thoại di động và 1.750.000 đồng tiền mặt, số điện thoại trộm cắp được, bị cáo T để lại 2 chiếc để sử dụng, gồm: 01 điện thoại SAMSUNG J7 Pro màu trắng - xanh ngọc và 01 điện thoại SAMSUNG M20, khi bị cáo T bị bắt, biết 2 chiếc điện thoại này là tài sản do T trộm cắp mà có, chị L1 đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra; bị cáo T bán cho bị cáo T1 3 lần, tổng cộng 10 điện thoại di động. Khi mua điện thoại của bị cáo T, mặc dù bị cáo T không trực tiếp nói cho bị cáo T1 biết số điện thoại bị cáo T bán cho bị cáo T1 là điện thoại do bị cáo T trộm cắp, nhưng khi bị cáo T1 hỏi bị cáo T về mặt khẩu mở điện thoại thì bị cáo T lảng tránh và nói cứ phá khóa đi mà bán và giá bị cáo T bán rẻ hơn giá thị trường, bị cáo T không làm nghề kinh doanh điện thoại, nên bị cáo T1 biết, số điện thoại mà bị cáo T bán cho bị cáo T1 là do bị cáo T phạm tội mà có, nhưng vì hám lời nên T1 vẫn mua. Trong số 10 chiếc điện thoại mua của T, T1 đã bán 06 chiếc, gồm: 01 điện thoại OPPO F1 màu hồng, 01 điện thoại Iphone 6 Plus màu nâu, 01 điện thoại Iphone 5S màu trắng, 01 điện thoại OPPO A3S màu hồng, 01 điện thoại SAMSUNG J5 màu đen và 01 điện thoại Iphone 6 màu hồng, T1 không biết tên, địa chỉ người mua, nên không thu giữ được. Còn lại 04 chiếc điện thoại gồm: 01 điện thoại SAMSUNG J2 Prime màu ghi, 01 điện thoại SAMSUNG J3 màu trắng, 01 điện thoại Coolpad E502 màu vàng và 01 điện thoại Iphone 5 màu trắng, T1 đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐĐG ngày 26/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Thanh Hóa kết luận: Tổng giá trị 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại máy F1 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, loại máy J2-Prime màu vàng nhạt là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*); Tại bản kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐĐG ngày 26/7/2019, số 25/KL-HĐĐG ngày 30/8/2019 và số 26/KL-HĐĐG ngày 09/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Ngọc Lặc kết luận: Tại thời điểm bị mất trộm, 01 điện thoại SAMSUNG J7 Pro màu trắng - xanh Ngọc có giá trị là 2.800.000 đồng; 01 điện thoại Coolpad E502 có giá trị là 1.500.000 đồng; 01 điện thoại Iphone 5, màu trắng bạc có giá trị là 1.200.000 đồng; 01 điện thoại SAMSUNG J3 màu trắng có giá trị là 1.700.000 đồng; 01 điện thoại SAMSUNG M20 màu đen có giá trị là 2.900.000 đồng.

Đối với 05 chiếc điện thoại gồm: 01 điện thoại Iphone 6 Plus màu nâu, 01 điện thoại Iphone 5 màu trắng, 01 điện thoại OPPO A3S màu hồng, 01 điện thoại SAMSUNG J5 màu đen và 01 điện thoại Iphone 6 màu hồng, sau khi mua của bị cáo T, bị cáo T1 đã bán cho người không biết tên, địa chỉ nên không thu giữ được, chưa xác định được chủ sở hữu, nên chưa có căn cứ định giá; đối với số điện thoại đã thu giữ được và đã được định giá, nhưng chưa xác định được chủ sở hữu, nên Cơ quan điều tra, Công an huyện Ngọc Lặc tách ra để điều tra, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý đối với Nguyễn Văn T và Vũ Văn T1.

Đối với chị Phạm Thị L1, thấy bị cáo T sử dụng 02 điện thoại di động do T trộm cắp được, nhưng khi mang về sử dụng, bị cáo T nói với chị L1 là điện

thoại cũ, bị cáo mua lại, chị L1 không biết là tài sản do phạm tội mà có, nên cơ quan điều tra, Công an huyện Ngọc Lặc không xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36K5-09x.xx bị cáo T sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, là xe của chị Phạm Thị L2 là chị vợ của bị cáo T, khi bị cáo T sử dụng xe làm phương tiện đi trộm cắp, chị L2 không biết, nên Cơ quan điều tra đã trả xe lại cho chị L2.

Tại bản Cáo trạng số 31/CT-VKSNL ngày 23/10/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về “Tội trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173; truy tố bị cáo Vũ Văn T1 về “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm khoản 1 Điều 173, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Nguyễn Văn T từ 18 (*Mười tám*) tháng đến 24 (*Hai mươi tư*) tháng tù được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam; áp dụng khoản 1 Điều 323, các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Vũ Văn T1 từ 12 (*Mười hai*) tháng đến 15 (*Mười lăm*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 (*Hai mươi tư*) tháng đến 30 (*Ba mươi*) tháng; hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 phạt bị cáo T1 từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước; bị cáo Nguyễn Văn T làm lao động tự do, thu nhập không đáng kể, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát và thành khẩn nhận tội. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật, áp dụng mức án thấp của khung hình phạt để bị cáo có điều kiện cải tạo, học tập trở thành người tốt; bị cáo T1 xin được hưởng án treo để vừa có điều kiện học tập cải tạo trở thành người tốt, vừa có điều kiện giúp đỡ gia đình, nuôi dưỡng con nhỏ.

Người làm chứng có mặt xác nhận lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đúng với diễn biến sự việc mà người làm chứng được chứng kiến.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo, của người bào chữa cho bị cáo,

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Công an huyện Ngọc Lặc, của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc và của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về

kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Ngọc Lặc và của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Thanh Hóa; về hành vi, quyết định tổ tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tổ tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về căn cứ định tội, định khung hình phạt đối với bị cáo: Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận: Vào ngày 29/3/2019, tại khoa Chấn thương, Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc, bị cáo Nguyễn Văn T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của anh Đỗ Ngọc Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J7 Pro màu trắng - xanh ngọc trị giá 2.900.000 đồng; ngày 18/6/2019 tại khoa Truyền nhiễm, Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của chị Lê Thị H 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1 màu hồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J2 Prime màu ghi, 01 chiếc ví bên trong có 1.750.000 đồng, 2 chiếc điện thoại của chị H có tổng giá trị là 5.000.000 đồng, tổng cộng bị cáo T chiếm đoạt của chị H là 6.750.000 đồng. Hành vi của bị cáo T đã phạm vào “Tội trộm cắp tài sản”, giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp trên 2.000.000 đồng và dưới 50.000.000 đồng, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Ngày 18/6/2019, mặc dù biết 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1 màu hồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J2 Prime màu ghi mà bị cáo T đem bán là tài sản do T phạm tội mà có, nhưng vì háms lợi bị cáo T1 vẫn mua 2 chiếc điện thoại của T để bán kiếm lời. Hành vi trộm cắp tài sản của T đã phạm vào tội trộm cắp tài sản, nên hành vi tiêu thụ 2 chiếc điện thoại là tài sản do T phạm tội mà có của bị cáo Vũ Văn T1 đã phạm vào Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, tài sản bị cáo tiêu thụ dưới 100.000.000 đồng, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc truy tố bị cáo Vũ Văn T1 theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất vụ án: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, đặc biệt là xâm phạm tài sản của người đang ốm đau, bệnh tật và người thân của họ khi phải đến điều trị tại bệnh viện; xâm phạm trật tự, an toàn xã hội, gây bức xúc và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân địa phương. Để pháp luật được tôn trọng, trật tự xã hội được duy trì, tài sản của công dân được bảo hộ; để giáo dục người phạm tội, đấu tranh phòng ngừa tội phạm, hành vi phạm tội của các bị cáo phải được xử lý nghiêm minh theo quy định của Bộ luật hình sự.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo: Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo T: Cả 2 hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo T ngày 29/3/2019 và ngày 18/6/2019 đều đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên”, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp và biết hành vi trộm cắp của mình đã bị phát hiện và

đang bị Công an huyện Ngọc Lặc điều tra, truy tìm, bị cáo T đã đến Công an huyện Ngọc Lặc đầu thú; đã tác động để vợ của bị cáo bồi thường thiệt hại cho chị Lê Thị H số tiền 1.750.000 đồng và giao nộp 2 chiếc điện thoại do bị cáo trộm cắp; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nên được áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo T1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình; tự nguyện giao nộp 04 chiếc điện thoại bị cáo đã mua của bị cáo T để cơ quan điều tra điều tra vụ án và trả lại tài sản cho người bị hại, nên được áp dụng các điểm b, i, s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét giảm cho các bị cáo một phần hình phạt khi lượng hình, để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm học tập, cải tạo trở thành người tốt. Xét về nhân thân, mặc dù bị cáo T chưa có tiền án, tiền sự nhưng bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên”, thuộc trường hợp không được hưởng án treo, xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội để có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt, đối với thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam được tính vào thời gian chấp hành hình phạt của bị cáo. Bị cáo T1 có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có khả năng tự cải tạo tốt, nên xét thấy không cần thiết phải cách ly khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, cho bị cáo được hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý, giáo dục cũng đủ điều kiện để bị cáo học tập, cải tạo trở thành người tốt.

[5]. Hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015, áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với bị cáo Vũ Văn T1. Bị cáo Nguyễn Văn T làm nghề lao động tự do, thu nhập không đáng kể, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn T là phù hợp với chính sách, pháp luật.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Chiếc điện thoại di động SAMSUNG J2 Prime màu ghi của chị Lê Thị H và chiếc điện thoại SAMSUNG J7 Pro màu trắng, xanh ngọc của anh Đỗ Ngọc Đ bị bị cáo T trộm cắp, đã được thu hồi trả lại cho chị H và anh Đ; đối với chiếc điện thoại di động OPPO F1 màu hồng và số tiền 1.750.000 đồng của chị H bị bị cáo trộm cắp nhưng không thu hồi được, vợ của bị cáo là chị Phạm Thị L1 đã tự nguyện bồi thường và chị H đã nhận, tại cơ quan điều tra chị H và anh Đ không yêu cầu giải quyết phần bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm "*Tội trộm cắp tài sản*"; bị cáo Vũ Văn T1 phạm "*Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*".

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (*Hai*) năm tù, hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 22/7/2019.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323, các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn T1 01 (*Một*) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (*Hai*) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vũ Văn T1 cho Ủy ban nhân dân xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trong thời gian thử thách của án treo, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015, phạt tiền đối với bị cáo Vũ Văn T1 là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) để sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Vũ Văn T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo, người bị hại;
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- CA huyện Ngọc Lặc;
- THADS huyện Ngọc Lặc;
- HS vụ án, HS THA hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(*Đã ký*)

Lê Viết Giảng